

NỘI ĐỊA

Số: 85 /TBL-QLĐTND

Quảng Trị, ngày 27 tháng 5 năm 2019

THÔNG BÁO LƯỜNG
(Tháng 5 năm 2019)

I. Tình hình mực nước:

TT	Sông	Trạm	Mực nước lớn nhất trong tháng (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (Hmin)		Ghi chú
			Mực nước (m)	Thời gian	Mực nước (m)	Thời gian	
1	Sông Hiếu	Sông Hiếu	+0,63	06h00 ngày 08/5/2019	-0,55	11h00 ngày 21/5/2019	
2	Thạch Hãn	Thạch Hãn	+0,72	15h00 ngày 08/5/2019	-0,56	08h00 ngày 20/5/2019	
3	Bến Hải	Bến Hải	+0,62	15h00 ngày 08/5/2019	-0,60	07h00 ngày 20/5/2019	

II. Tình hình luồng:

TT	Tuyến Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất $h_{\min}$ (m)	Độ sâu lớn nhất $h_{\max}$ (m)	Độ sâu thực đo h (m)	Chiều rộng B (m)
A	Sông Hiếu						
I		Cầu					
1		Cửa Việt	Km0+150	12,80	13,98	13,43	50
2		Đông Hà	Km15+00	7,42	8,60	8,05	25
3		Đường sắt Đông Hà	Km16+550	5,71	6,89	6,34	25
4		Sông Hiếu	Km18+550	9,35	10,53	9,98	25
5		Cầu Treo	Km21+400	6,66	7,84	7,29	80
6		Cam Hiếu	Km22+600	8,23	9,41	8,86	25
II		Đường dây điện					
1		110KV	Km12+300	19,66	20,84	20,29	
2		500KV	Km20+400	29,66	30,84	30,29	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km12+850	-0,29	0,89	0,34	
2		Kè mở hàn	Km13+500	-0,21	0,97	0,42	
3		Trụ cầu đường sắt	Km16+550	1,77	2,95	2,40	
4		Kè mở hàn	Km25+450	-0,58	0,60	0,05	
B	Thạch Hãn						
I		Cầu					
1		Pháo Trung Yên	Km2+00	2,44	3,72	3,16	4,5



2		Đài Lọc	Km 4+700	9,04	10,32	9,76	25
3		An Mô (cũ)	Km11+300	5,78	7,06	6,50	15
4		An Mô (mới)	Km11+300	8,43	9,71	9,15	25
5		Thành Cổ	Km14+770	8,39	9,67	9,11	40
6		Đường bộ Thách Hân	Km16+900	7,99	9,27	8,71	20
7		Đường sắt Thách Hân	Km17+00	7,22	8,50	7,94	30
II		Đường dây điện					
1		35KV, đường dây VNPT	Km1+950	6,66	7,94	7,38	
2		35KV	Km5+000	9,63	10,91	10,35	
3		110KV	Km16+000	19,66	20,94	20,38	
4		110KV	Km17+800	18,86	20,14	19,58	
5		500KV	Km23+000	28,77	30,05	29,49	
III		Vật chướng ngại					
1		Bãi dả ngầm	Km9+000	-0,17	1,11	0,55	
2		Kè mố hàn	Km12+500	-1,29	-0,01	-0,57	
3		Kè mố hàn	Km13+000	-1,34	-0,06	-0,62	
4		Kè mố hàn	Km13+300	-1,32	-0,04	-0,60	
5		Kè mố hàn	Km13+600	-1,25	0,03	-0,53	
6		Kè mố hàn	Km13+750	-1,19	0,09	-0,47	
7		Kè mố hàn	Km13+900	-1,20	0,08	-0,48	
8		Bãi dả ngầm	Km16+300	0,21	1,49	0,93	
9		Bãi dả ngầm	Km17+250	-0,47	0,81	0,25	
C		Bên Hai					
I		Cầu					
1		Cửa Tùng	Km 0+750	11,42	12,64	12,04	50
2		Hiện Lương (di tích)	Km 9+800	3,18	4,40	3,80	26
3		Hiện Lương	Km 9+800	7,26	8,48	7,88	30
4		Châu Thị (mới)	Km15+800	8,44	9,66	9,06	15
5		Phúc Lâm	Km18+00	4,36	5,58	4,98	13
6		Đường sắt Sa Lung	Km22+350	3,90	5,12	4,52	15
7		Cầu phao Huỳnh Xá	Km1+600	1,55	2,77	2,17	5
8		Hiện Lương II	Km3+700	10,21	11,43	10,83	25
9		Đường sắt Tiên An	Km5+350	3,88	5,10	4,50	42
II		Đường dây điện					
1		35KV, Đường dây VNPT	Km2+750	9,65	10,87	10,27	
2		110KV	Km9+400	3,53	4,75	4,15	
3		110KV	Km15+200	4,64	5,86	5,26	
4		500KV	Km12+000	29,02	30,24	29,64	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mố hàn	Km4+150	-0,56	0,66	0,06	

2		Kè mở hàn	Km4+700	-0,64	0,58	-0,02	
3		Trụ cầu đường sắt Sa Lung	Km22+380	2,22	3,44	2,84	

III. Bãi cạn:

TT	Tuyến Sông	Tên bãi cạn	Lý trình	Độ sâu	Mực nước	Cao độ	Chiều rộng	Chiều dài	Ngày đo
				h(m)	H(m)	Z(m)	B(m)	L(m)	
I	Sông Hiếu								
1		Đông Giang	Km15+200 ÷ Km16+200	1,50	0,27	-1,23	80	200	16h00 ngày 22/5/2019
2		Đông Thanh	Km16+000 ÷ Km18+200	1,30	0,37	-0,93	80	150	15h00 ngày 22/5/2019
3		Lâm Lang 2	Km24+800 ÷ Km26+100	1,80	-0,36	-2,16	80	800	09h00 ngày 22/5/2019
II	Thạch Hãn								
1		Như Lệ	Km22+700 ÷ Km24+300	1,84	+0,42	-1,42	80	500	14h00 ngày 18/05/2019
2		Ba Lòng	Km43+400 ÷ Km46+00	0,93	+0,6	-0,33	80	1500	12h00 ngày 20/05/2019
III	Bến Hải								
1		Cửa Tùng	Km0+000 ÷ Km2+000	1,70	-0,47	-2,17	80	1500	09h00 ngày 23/05/2019

IV. Một số điều lưu ý:

1. Dự báo tình hình mực nước tháng kế tiếp:

Địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay đang bước sang mùa khô, mực nước trung bình trên các tuyến sông giảm dần, luồng qua khu vực các bãi cạn bị bồi lấp nghiêm trọng, đặc biệt tại bãi cạn Đông Giang, Ba Lòng, Cửa Tùng,... gây khó khăn cho các phương tiện thủy lưu thông qua lại.

Tại Km17+700 tuyến sông Hiếu đang thi công công trình Đập ngăn mặn, đơn vị liên danh với Công ty Cổ phần đường thủy nội địa Thừa Thiên Huế triển khai công tác điều tiết không chế ĐBGT theo phương án được phê duyệt. Đề nghị các phương tiện thủy di chuyển qua khu vực chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo và hướng dẫn của Trạm điều tiết để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.

2. Tình hình hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông:

* Các mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp phép khai thác:

- Sông Thạch Hãn: có 05 vị trí:

+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công tại Km22+600;

+ Công ty Cổ phần Thiên Phú tại Km 22+900;

+ Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi Như Lệ tại Km 23+000;

+ Công ty TNHH MTV Nguyên Hà tại Km 38+700;

+ Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị tại Km 37+000.

- Sông Bến Hải: không có.

- Sông Hiếu: không có.

Đoạn Quản lý đường thủy nội địa Quảng Trị thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn./.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;

- Phòng QL KCHT GT;

- Lưu: VT, KH.



Phạm Uy Vũ